

Số: 30../GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 01/MT-YABAN ngày 16/12/2024 của Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sơn, nhông, đĩa – công suất 65.352.468 kg sản phẩm/năm” tọa lạc tại số 19, lô J, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 603/TTr-PTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam, địa chỉ tại số 19, lô J, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sơn, nhông, đĩa – công suất 65.352.468 kg sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất sơn, nhông, đĩa – công suất 65.352.468 kg sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 19, lô J, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số 3700339107 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu

tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 28 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đầu tư với mã số 7654765761 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/05/2000, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 03/05/2024.

1.4. Mã số thuế: 3700339107

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất nông – đũa, sên.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Tổng diện tích: 15.000 m²

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm II quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất: Sản xuất nông – đũa: 6.262.500 bộ/năm (tương đương 5.673.840 kg/năm); sên 146.793.793 sợi/năm (tương đương 59.678.628 kg/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất sên: Nguyên liệu → Dập (gồm: dập bản trong, dập tạo chốt, dập bản ngoài, dập ống lót, dập vòng) → Xử lý nhiệt → Nhúng nước hoặc nhúng dầu → Rửa nước → Giảm nhiệt (ổn định) → Mài đánh bóng → Sàng → Lưu kho tạm thời → Lắp ráp → Tán đinh → Quấn cuộn → Hệ thống kéo căng sên → Kiểm tra, chặt xích → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đũa: Nguyên liệu → Cắt thép → Dập đũa tròn → Dập lỗ giữa → Đánh bóng → Tiện → Dập eo → Ép phẳng → Tiện lỗm, tiện đường kính trong → Phay răng → Vát mép → Mài ba vớ → Xử lý nhiệt → Dập 4 lỗ → Dập nhãn → Ép phẳng → Tiện đường kính trong → Toàn kiểm → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất nông: Nguyên liệu → Cắt thép → Dập nông → Tiện đường kính ngoài → Tiện đường kính trong → Phay răng → Vát mép → Mài ba vớ → Kéo then → Khoan → Tạo ren → Khoan → Tạo ren → Khoan → Dập nhãn → Xử lý nhiệt → Đánh bóng → Nhúng dầu chống sét → Toàn kiểm → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Dĩ An.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất sơn, nhông, đĩa – công suất 65.352.468 kg sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam, địa chỉ tại số 19, lô J, đường số 6, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Dĩ An;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Tài



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3D/GPMT-UBND ngày 31. tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Khu công nghiệp Sóng Thần 2 theo hợp đồng đấu nối và xử lý nước thải số 64/2021/HĐXLNT/ST2 ngày 01/01/2021 và Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 27/12/2023 với Công ty Cổ phần Đại Nam (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Khu công nghiệp Sóng Thần 2 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt và nước thải rửa tay tại khu vực nhà vệ sinh văn phòng với lưu lượng khoảng 2,25 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18 m³/ bể), sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø 60 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt và nước thải rửa tay tại khu vực làm khuôn với lưu lượng khoảng 2,25 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18 m³/ bể), sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø 60 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt và nước thải rửa tay nhân viên tại khu vực nhà vệ sinh nằm gần khu sở sên với lưu lượng khoảng 3,3 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18 m³/ bể), sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø 60 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt và nước thải rửa tay nhân viên tại khu vực nhà vệ sinh nằm gần khu đánh bóng với lưu lượng khoảng 3,3 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 18 m³/ bể), sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø 60 mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 5: Nước thải sản xuất từ công đoạn đánh bóng với lưu lượng 1,4 m³/ngày, được thu gom theo mương thu nước thải BTCT (kích thước: rộng 0,5m x sâu 0,5m), tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 6: Nước thải sau cụm bể thu hồi dầu, với lưu lượng 0,8 m³/ngày được thu gom theo đường ống PVC Ø 60 mm, tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 7: Nước từ bể làm mát (thay nước định kỳ 1 lần/năm, với lưu lượng xả thải 6 m³/lần) được bơm theo đường ống PVC Ø 60mm về hố ga đầu nối nước thải của KCN Sóng Thần 2.

Toàn bộ lượng nước thải khoảng 13,34 m³/ngày được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý sơ bộ. Nước thải sau hệ thống xử lý một phần được tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn đánh bóng và phần còn lại bơm theo đường ống PVC Ø 60 mm đầu nối về hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2 nằm trên đường số 06.

Đối với nước từ bể làm mát (với lưu lượng 6 m³/năm) được bơm theo đường ống PVC Ø 60mm về hố ga đầu nối nước thải của KCN Sóng Thần 2 nằm trên đường số 06.

Tọa độ điểm đầu nối trên đường số 6 tọa độ X(m) = 120.4596,87; Y(m) = 60.9698,90 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

*** Cụm bể thu hồi dầu:**

+ Tóm tắt quy trình: Nước thải nhiễm dầu (nguồn số 6) → Bể lắng cặn → Bể tách dầu → Bể chứa nước → Bơm dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Công suất thiết kế: 1 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Không

*** Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

+ Tóm tắt quy trình: Nước thải (Nguồn số 1, 2, 3, 4, 5) và nguồn số 06 sau khi qua cụm bể tách dầu) → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể lắng → Bể trung gian → Bể điều chỉnh pH → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng hóa lý → Bơm một phần tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn đánh bóng (với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày) và Phần còn lại bơm về hố ga thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 2.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Cloramin B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải. Cập nhật tình hình hoạt động vào sổ theo dõi hàng ngày.
- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời tránh nước thải tràn ra ngoài.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ cơ sở phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.
- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 01/2025 đến hết tháng 06//2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2 tọa độ X(m) = 120.4596; Y(m) = 60.9698 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5,5-9	6 tháng/lần (Theo đề xuất của	Không thuộc đối tượng phải quan
2.	Nhiệt độ	°C	40		

3.	BOD ₅	mgO ₂ /l	50	Công ty)	trắc nước thải tự động, liên tục (quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
4.	COD	mgO ₂ /l	150		
5.	TSS	mg/l	100		
6.	Sắt tổng (tổng Fe)	mg/l	5		
7.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
8.	Tổng Nitơ	mg/l	40		
9.	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6		
10.	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải)

- Loại mẫu: mẫu đơn

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của KCN Sóng Thần 2.

- Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sóng Thần 2 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Sóng Thần 2 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 32/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01 (KT01): Khí thải từ công đoạn giảm nhiệt của chuyển xử lý nhiệt bằng tải.

- Nguồn số 2 (KT02): Nhiệt và hơi phát sinh từ các thùng dầu của hệ căn sên số 1 (nguồn xả không áp dụng biện pháp kiểm soát khí thải)

- Nguồn số 3 (KT03): Nhiệt và hơi phát sinh từ các thùng dầu của hệ căn sên số 2 (nguồn xả không áp dụng biện pháp kiểm soát khí thải)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: $X (m) = 120.4769$, $Y (m) = 60.9662$

- Dòng khí số 02: $X (m) = 120.4744$; $Y (m) = 60.9713$

- Dòng khí số 03: $X (m) = 120.4714$; $Y (m) = 60.9728$

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $22.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí số 02: lưu lượng xả thải lớn nhất là $22.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí số 03: lưu lượng xả thải lớn nhất là $22.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=1$, $k_v=1$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng	m ³ /h	-	03 tháng/lần (Theo đề xuất của Công ty)	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3.	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4.	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
5.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải được thu gom bằng 12 chụp hút → Ống nhánh D 200 mm → Ống chính D 500 mm → Hệ thống xử lý khí thải số 1 → Ống thoát khí D 500 mm thoát khí nằm ngang mái nhà xưởng.

- Nguồn số 02: Hơi các thùng chứa dầu → Ống nhánh D 114 mm → Ống chính D 300 mm → Quạt hút → Ống thải D 600 mm. (nguồn xả không áp dụng biện pháp xử lý khí thải)

- Nguồn số 03: Hơi các thùng chứa dầu → Ống nhánh D 114 mm → Ống chính D 300 mm → Quạt hút → Ống thải D 600 mm. (nguồn xả không áp dụng biện pháp xử lý khí thải)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của dòng thải số 1:

+ Quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp thụ (giàn nước) → Bể hấp thụ (Bể nước) → Ống thải

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép

môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 01/2025 đến hết tháng 06/2025

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn giảm nhiệt của chuyên xử lý nhiệt băng tải (Hệ thống xử lý khí thải số 1) - công suất 22.500 m³/h (Dòng thải số 1)

(Dòng thải số 2 và số 3 không có công trình xử lý nên không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ độ 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải

tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 11. tháng 12. năm 2020
..... của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực máy đập vòng
- Nguồn số 2: Khu vực gia công tạo hình (Khu vực cắt chốt quay; Khu vực đập)
- Nguồn số 3: Khu vực gia công tán góc
- Nguồn số 4: Khu vực xử lý nhiệt
- Nguồn số 5: Khu vực mài bóng (phun cát)
- Nguồn số 6: Khu vực lắp ráp thành phẩm.
- Nguồn số 7: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 1
- Nguồn số 8: Khu vực quạt hút của hệ thống thoát hơi của máy căn sên số 01
- Nguồn số 9: Khu vực quạt hút của hệ thống thoát hơi của máy căn sên số 02
- Nguồn số 10: Khu vực máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: X (m) = 120.4638, Y (m) = 60.9706
 - Nguồn số 2: X (m) = 120.4699, Y (m) = 60.9676
 - Nguồn số 3: X (m) = 120.4689, Y (m) = 60.9668
 - Nguồn số 4: X (m) = 120.4659, Y (m) = 60.9662
 - Nguồn số 5: X (m) = 120.4676, Y (m) = 60.9625
 - Nguồn số 6: X (m) = 120.4746, Y (m) = 60.9666
 - Nguồn số 7: X (m) = 120.4656, Y (m) = 60.9637
 - Nguồn số 8: X (m) = 120.4746, Y (m) = 60.9701
 - Nguồn số 9: X (m) = 120.4739, Y (m) = 60.9711
 - Nguồn số 10: X (m) = 120.4696, Y (m) = 60.9605
- (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.
- Đảm bảo cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành.
- Kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và định kỳ cho dầu bôi trơn máy móc, thiết bị.
- Đối với công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Lắp đệm cao su chống ồn cho các thiết bị gây ồn và lò xo chống rung cho máy móc, thiết bị.
- Móng máy đảm bảo xây dựng đủ khối lượng và có biện pháp chống rung phù hợp.
- Máy phát điện được bố trí trong không gian riêng biệt, có cách âm và thoáng của

Nhà xưởng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3.Đ. /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Stt	Thành phần	Mã CTNH	Ký hiệu	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm bình chứa áp suất	18 01 02	KS	Kg/năm	1.200
2	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	KS	Kg/năm	400
3	Bao bì mềm	18 01 01	KS	Kg/năm	300
4	Hộp mực in photo	08 02 04	KS	Kg/năm	100
5	Giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Kg/năm	1.100
6	Bình ắc quy, pin	16 01 12	NH	Kg/năm	500
7	Phôi từ quá trình gia công, tạo hình vật liệu bị mài ra nhiễm dầu, nhũ tương, dung dịch thải có dầu	18 02 01	KS	Kg/năm	800
8	Dầu nhớt thải	17 02 04	NH	Kg/năm	500
Tổng					4.900

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Thành phần	Trạng thái	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Kim loại vụn	Rắn	Kg/tháng	2.285

	(sắt, thép vụn, ba vớ,...)			
2	Bao bì đóng gói các loại (giấy đóng gói, thùng các tông)	Rắn	Kg/tháng	150
3	Cát thải bỏ	Rắn	Kg/tháng	1.560
4	Vỏ trấu thải bỏ	Rắn	Kg/tháng	887
5	Bùn thải bỏ từ HTXLNT (*)	Rắn	Kg/tháng	1.670
Tổng cộng				6.552

(*): Theo phiếu kết quả thử nghiệm mẫu bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải số KT3-06875BMT4/1 (MT.2024.01581/1) ngày 13/12/2024 cho thấy các chỉ tiêu trong mẫu bùn đều dưới ngưỡng nguy hại theo quy định tại QCVN 51:2013/BTNMT ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân viên, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn, ...), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, ...), khối lượng 23,09 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 lít, 120 lít, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH. Bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Kho/khu vực lưu chứa dán bảng hiệu cảnh báo được chỉ dẫn rõ ràng.

+ Mặt sàn trong kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại

được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Công ty thực hiện lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các bao bì nhựa 50 lít và thùng chứa có dung tích 200 lít có nắp đậy chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ và được thu gom vào kho chứa riêng biệt.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 48 m² gồm 05 khu vực lưu chứa các chất thải như vỏ trấu thải, cát thải, bùn thải, phế liệu và các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý khác).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Thiết kế trong xưởng kết cấu có mái che, tường bao xung quanh cao 2m nền bê tông, tường xây bằng gạch và mái bằng tôn, trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Công ty thực hiện lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- 10 thùng chứa 30 lít có dán nhãn phân loại được đặt tại nơi phát sinh (mỗi khu vực 2 thùng chứa).

- 3 thùng chứa rác sinh hoạt tập trung 240 lít (1 thùng đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; 1 thùng đựng chất thải còn lại)

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực: 1 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Chất thải rắn được lưu chứa trong các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy. Các thùng chứa được đặt tại khu vực có mái che, nền bê tông.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đảm bảo, chất thải phát sinh được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định hiện hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố các công trình xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động của các công trình xử lý nước thải, tuân thủ các quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10. /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

1. Công ty TNHH Yaban Chain Industrial Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.